

Mỹ Đức, ngày 28 tháng 04 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, cung cấp Hóa chất-VTTYT tại Việt Nam

Bệnh viện Tâm thần Mỹ Đức xin gửi lời chào trân trọng tới Quý công ty.

Hiện nay, Bệnh viện đang có nhu cầu mua sắm một số mặt hàng vật tư y tế và hóa chất phục vụ cho người bệnh. Bằng văn bản này, Bệnh viện kính mời các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh....có khả năng cung cấp chào giá hàng hóa theo danh mục yêu cầu với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

Bệnh viện Tâm thần Mỹ Đức

Địa chỉ: Phúc lâm hạ, xã Phúc lâm, huyện Mỹ Đức, Tp Hà Nội

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá

Người nhận: DS. Hồ Thị Mai- Khoa dược Bệnh viện

Điện thoại: 0973.971.167

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa dược- bệnh viện Tâm thần Mỹ Đức

- Nhận qua mail: 01188.kd1@gmail.com

4. Thời gian tiếp nhận báo giá

Từ 14h00 ngày 28/04/2025 đến ngày 14h00 ngày 07/04/2025

Các báo giá không có bản cứng và nhận được sau thời điểm trên sẽ không được xem xét

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá:

Tối thiểu 120 ngày (Ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 120 ngày kể từ ngày báo giá)

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hàng hóa

ST T	Tên chung hóa chất	Thông số kỹ thuật	Quy cách ĐVT	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
I	Hóa chất Sinh hóa					
1	Hóa chất dùng cho xét nghiệm y- Glutamyltransferase (y-GT)	- Thuốc thử định lượng nồng độ y- Glutamyltransferase (GGT) trong máu. - Phương pháp: IFCC;Dải đo:3.07 - 600 U/L - Quy cách đóng gói: theo quy cách của nhà SX	4x60ml +4x15 mL	Hộp	1	Tương thích với máy sapphire 800

ST T	Tên chung hóa chất	Thông số kỹ thuật	Quy cách ĐVT	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
2	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin trực tiếp	- Thuốc thử định lượng nồng độ Bilirubin trực tiếp trong máu - Phương pháp: DICHLOROPHENYL DIAZONIUM;Dải đo:0.09 - 15 mg/dL - Quy cách đóng gói: theo quy cách của nhà SX	4x60ml +4x15 mL	Hộp	2	Tương thích với máy sapphire 800
3	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol	- Thuốc thử định lượng nồng độ Cholesterol trong máu - Phương pháp: Cholesterol oxidase/peroxidase;Dải đo:4.2 - 1000 mg/dL (0.109 - 26 mmol/L) - Quy cách đóng gói: theo quy cách của nhà SX	10x60 mL	Hộp	1	Tương thích với máy sapphire 800
4	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin toàn phần	- Thuốc thử định lượng nồng độ Bilirubin TP trong máu - Phương pháp: DICHLOROPHENYL DIAZONIUM;Dải đo:0.211 - 38 mg/dL (3.61 - 650 µmol/L) - Quy cách đóng gói: theo quy cách của nhà SX	8x60ml +8x15 mL	Hộp	1	Tương thích với máy sapphire 800
5	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea-BUN UV	- Thuốc thử định lượng nồng độ Urea / BUN-UV trong máu - Phương pháp: Urease / Glutamate dehydrogenase;Dải đo:3.69 - 300 mg/dL - Quy cách đóng gói: theo quy cách của nhà SX	8x60ml +8x15 mL	Hộp	1	Tương thích với máy sapphire 800
6	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglycerides	- Thuốc thử định lượng nồng độ Triglycerid trong máu - Phương pháp: Glycerol phosphate oxidase/peroxidase;Dải đo:0.067 - 6.78 mmol/L - Quy cách đóng gói: theo quy cách của nhà SX D11	10x60 mL	Hộp	1	Tương thích với máy sapphire 800
7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Aspartate Aminotransferase (AST/GOT)	- Thuốc thử định lượng nồng độ Aspartate Aminotransferase (AST/GOT) trong máu - Phương pháp: IFCC;Dải đo:7.15 - 500 U/L - Quy cách đóng gói: theo quy cách của nhà SX	8x60ml +8x15 mL	Hộp	1	Tương thích với máy sapphire 800
8	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Alanine Aminotransferase (ALT/GPT)	- Thuốc thử định lượng nồng độ Alanine Aminotransferase (ALT/GPT) trong máu - Phương pháp: IFCC;Dải đo:8.5 - 500 U/L - Quy cách đóng gói: theo quy cách của nhà SX	8x60ml +8x15 mL	Hộp	1	Tương thích với máy sapphire 800
9	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol HDL Direct	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Cholesterol HDL Direct mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.Phương pháp: DIRECT;Dải đo:0.048 - 5.18 mmol/L.THÀNH PHẦN. Thuốc thử: Dung dịch đệm Good, cholesterol oxidase < 1 U/mL, peroxidase < 1 U/mL, N,N-bis(4-sulfobutyl)-m-toluidin (DSBmT) 1 mmol/L, chất gia tốc 1 mmol/L.B. Thuốc thử: Dung dịch đệm Good, cholesterol esterase < 1,5 U/mL, 4-aminoantipyrin 1 mmol/L, ascorbat oxidase < 3,0 KU/L, chất tẩy rửa.	2x60ml +2x20 mL	Hộp	2	Tương thích với máy sapphire 800

ST T	Tên chung hóa chất	Thông số kỹ thuật	Quy cách ĐVT	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
10	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol LDL Direct	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Cholesterol LDL Direct mẫu huyết thanh, huyết tương người..Phương pháp: DIRECT;Dải đo:0.012 - 25.6 mmol/L.THÀNH PHẦN. Thuốc thử: Dung dịch đệm MES > 30 mmol/L, cholesterol esterase < 1,5 U/mL, cholesterol oxidase < 1,5 U/mL, 4-aminoantipyrin 0,5 mmol/L, ascorbate oxidase < 3,0 U/L, peroxidase > 1 U/mL, chất tẩy rửa, pH 6,3. B. Thuốc thử: Dung dịch đệm MES > 30 mmol/L, N,N-bis(4-sulfobutyl)-m-toluidin (DSBmT) 1 mmol/L, chất tẩy rửa, pH 6,3.	2x60 mL + 2x20 mL	Hộp	2	Tương thích với máy sapphire 800
11	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 1	Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh người - Quy cách đóng gói: theo quy cách của nhà SX	5x5mL	Hộp	3	Tương thích với máy sapphire 800
12	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 2	Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh người - Quy cách đóng gói: theo quy cách của nhà SX	5x5mL	Hộp	3	Tương thích với máy sapphire 800
13	Chất chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người	Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh người - Quy cách đóng gói: theo quy cách của nhà SX	5x5mL	Hộp	3	Tương thích với máy sapphire 800

II. HÓA CHẤT HUYẾT HỌC

2.1. Danh mục hóa chất dùng cho máy Sysmex

14	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Được sử dụng như chất tẩy rửa có tính kiềm mạnh để loại bỏ các thuốc ly giải, dư lượng tế bào và các protein trong máu còn lại trong hệ thống thủy lực của máy xét nghiệm huyết học. Thành phần: Sodium Hypochlorite (có chứa chlorine nồng độ 5,0%) Bảo quản ở 1 - 30 độ C, nơi tối, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp Độ ổn định sau mở nắp trong vòng 60 ngày Quy cách: 50mL x 1/Hộp	50mL x 1/Hộp	Hộp	2	
15	Dung dịch dùng để pha loãng sử dụng cho máy huyết học	Dung dịch pha loãng sử dụng cho máy huyết học Thành phần: Sodium Chlorride 6.38 g/l, Boric Acid 1 g/l, Sodium Tetraborate 0.2 g/l, EDTA-2K 0.2 g/l Bảo quản: ở 1 - 30 độ C Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày. Quy cách: 1x20L/ Hộp	1x20L/ Hộp	Hộp	2	

2.2 Danh mục hóa chất dùng cho máy Celltac

ST T	Tên chung hóa chất	Thông số kỹ thuật	Quy cách ĐVT	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
16	Hóa chất rửa máy huyết học	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: xanh lá Mùi: nhẹ Độ pH: 7,7 đến 8,3 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Polyoxyethylene tridecylether: 0.049% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 180 ngày	5L/ Can	Can	1	
17	Rửa máy phân tích huyết học	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: vàng hoặc vàng-xanh lá Mùi: khó chịu (clo) Độ pH: 10 đến 13 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium hypoclorit Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày	5L/ Can	Can	1	
18	Hóa chất pha loãng dùng cho máy huyết học	Dùng làm chất pha loãng cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không Mùi: không Độ pH: 7.35 đến 7.55 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium chloride 0.44%, Sodium sulphate anhydrous 0.97% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 60 ngày	18L/ Can	Can	2	
19	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy huyết học	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không Mùi: nhẹ Độ pH: 4 đến 7 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Muối amoni bậc 4 3.7% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày	500ml/ Can	Can	2	
III, Sinh phẩm xét nghiệm						
20	Test nội kiểm nước tiểu chứng (-)	Hóa chất kiểm tra độ chuẩn âm tính dùng cho máy phân tích nước tiểu Thành phần: Potassium phosphate monobasic and dibasic; sodium chloride; urea	25 test/ lọ	Test	75	Tương thích sử dụng với máy Siemens
21	Test nội kiểm nước tiểu chứng (+)	Hóa chất kiểm tra độ chuẩn dương tính dùng cho máy phân tích nước tiểu Thành phần: Glucose; crystalline bilirubin; sodium methyl acetoacetate; bovine hemoglobin; bovine serum albumin; 5-(4-sulfobutoxy)-2-methylindole sodium salt; sodium nitrite; protease (fungal)	25 test/ lọ	Test	75	Tương thích sử dụng với máy Siemens

ST T	Tên chung hóa chất	Thông số kỹ thuật	Quy cách ĐVT	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
22	Test thử nước tiểu 10 thông số	- Các chỉ số đo: Glucose, Bilirubin, Ketone, pH, Blood, Protein, Nitrite, Urobilinogen, Leukocyte, SG. - Dải đo của các chỉ số: Protein: 15-30mg/dL albumin Blood: 0.015-0.062mg/dL hemoglobin Leukocyte: 5-15 Nitrite: 0.06-0.1mg/dL nitrite ion Glucose: 75-125mg/dL Ketone: 5-10mg/dL acetoacetic acid pH: 4.6- 8.0 SG: 1.001-1.035 Bilirubin: 0.4-0.8mg/dL Urobilinogen: 0.2EU/dL - Trên thanh thử có miếng dán (ID band) có tác dụng kích hoạt kiểm tra tự động.	100 test/ lọ	Test	1.500	Tương thích sử dụng với máy Siemens
23	Test nhanh chẩn đoán viêm gan B (HBsAg)	Định tính phát hiện kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh hoặc huyết tương của người. Hoạt chất chính: các kháng thể kháng HBsAg. - Độ nhạy tương quan: 100% - Độ đặc hiệu tương quan: 99,4% - Độ chính xác tương quan: 99,7%. - Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: 100% Ngưỡng phát hiện (LOD): 1 ng/mL. Không phản ứng chéo với các mẫu dương tính HAV, Syphilis, yếu tố dạng thấp (RF), HIV, H.pylori, CMV, Rubella. Không bị gây nhiễu bởi các mẫu bị tán huyết, lipid máu và các mẫu chứa 2000 mg/dL Hemoglobin, Phân loại BYT: D Đọc kết quả tại 15 phút.	40 test/hộp	Test	500	
IV. Vật tư y tế						
24	Bóng đèn đọc phim	• Kích thước: 476*500*25 • Vùng quan sát: 261*420 • Kích thước phim tối đa: 17*14 inch (355.6*431.8mm) • Công suất: 30W • Nguồn sáng: Đèn SMD LED 144 bóng/tấm, nhiệt độ màu 8000K, tuổi thọ 100.000h • Nguồn điện: AC 90 - 240V, 50/60Hz • Cài đặt độ sáng: Hệ thống điều biến xung, phạm vi điều chỉnh 0-100, cường độ sáng 0-4000cd/m2 • Kẹp phim: kẹp silicone • Chức năng cảm biến: Điều khiển riêng biệt mỗi cửa, cảm biến tự động, ghi nhớ. • Độ sáng đồng nhất >90% • Môi trường hoạt động: Độ sáng trung bình trong phòng không quá 100 Lux	Hộp 1 cái	Cái	2	

ST T	Tên chung hóa chất	Thông số kỹ thuật	Quy cách ĐVT	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
25	Phim XQuang 8 x 10 inch	- Phim khô laser kích cỡ 20x25 cm (8x10 inch), có độ phân giải cao, hình ảnh quang nhiệt - Phim được cấu tạo 4 lớp bao gồm: 2 lớp bảo vệ; 1 lớp nhũ tương nhạy sáng và 1 lớp nền polyester - Hỗ trợ lớp nền 7-mil polyester - Phim có thành phần cấu tạo hóa học bao gồm: 90-95% Polyethylene terephthalate; 1-5% Polyvinyl butyral-polyvinyl alcohol-polyvinyl acetate terpolymer; 1-5% Axit docosanoic, muối bạc(1+) và < 3% Cellulose acetate butyrate - Phim có thể lưu lại trên đèn đọc phim > 24 giờ, ở điều kiện nhiệt độ 16–27 °C hoặc 60–80 °F và điều kiện độ ẩm 30–50 % RH - Mật độ hình ảnh Dmax: 3.3 - Phim có mật độ điểm ảnh tối đa 650 ppi - Tương thích với hệ thống máy in phim laser Trimax của bệnh viện - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE - Chứng nhận lưu hành tự do: Mỹ; Pháp	125 tờ/ Hộp	Hộp	10	Dùng cho máy Trimax
26	Phim X Quang 8*10	Phim X-quang laser kích thước 20*25 cm (8*10 inch) tương thích máy in phim laser Drypix. Thành phần lớp bảo vệ phía trên; lớp nền phim; lớp nhạy quang; lớp bảo vệ phía dưới	150 tờ/ Hộp	hộp	5	
27	Ống nghiệm Heparin	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%, Nắp nhựa LDPE đây kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống. Hóa chất: Được bơm hóa chất chống đông Lithium Heparin dưới dạng hạt sương, Kích thước ống 12x75mm, có vạch định mức lấy mẫu, chịu được lực quay ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 5 - 10 phút, nhãn màu đen, có phiếu kiểm định chất lượng của cơ quan kiểm định .		Ống	1000	
28	Ống nghiệm EDTA	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, nắp cao su bọc nhựa LDPE đây kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống, Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid (EDTA) được phun dưới dạng hạt sương, Kích thước ống 12x75mm, Có phiếu phân tích chất lượng của cơ quan chức năng kiểm định với nồng độ muối EDTA phải ở trong khoảng từ 1,2 mg đến 2mg EDTA khan trên 1ml máu, và chịu được lực quay ly tâm gia tốc 6.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút., Nhãn màu xanh dương.		Ống	400	
29	Băng dính lụa	Vải lụa Taffeta trắng, 100 % sợi cellulose acetate từ các nước G7. - Keo: gồm hỗn hợp keo nóng chảy: Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Zinc oxide, Lanolin stellux AIPF, Titanium dioxide, Styrenic Block Copolymers, dầu khoáng trắng. Độ nhớt 8.100-12.700 cP - tiêu chuẩn CE - EU - Được lưu hành tại các nước liên minh châu âu, kích thước 2,5cm x 5m	Hộp 12 cuộn	Cuộn	50	

ST T	Tên chung hóa chất	Thông số kỹ thuật	Quy cách ĐVT	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
30	Băng cuộn	Băng xô cuộn kích thước 5cmx5m. Có phiếu kiểm định chất lượng theo TCCS	Túi 20 cuộn	Cuộn	200	
31	Bơm tiêm 5ml	Đầu côn hoặc đầu xoắn, sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh. Vạch chia dung tích tối đa 6ml, rõ nét. Pít tông có khía bề gãy dễ hủy. Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP, Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Cỡ kim 23G x 1" và 25G x 1", 25G x 5/8". Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485; TCVN; CE;	Túi 01 cái; 100 cái/hộp; 20 hộp/kiện.	Cái	2000	
32	Giấy điện tim 3 cần (sọc cam)	Giấy điện tim 3 cần (sọc cam) kích thước 63mm*30m, chạy dc cho các máy Nihon Koden, Fukuda Denshi, Newtech 1503, Neu Cardio E3, ...	10 cuộn/hộp	Cuộn	20	
33	Kim liền chỉ	Chỉ tiêu Catgut Chromic số 1, chỉ dài 75 cm. Kim tròn, độ cong 1/2 vòng tròn, kim dài 40 mm. Là chỉ tự tiêu đơn sợi . Chỉ được cấu tạo từ muối Chrom và collagen có nguồn gốc từ bò hoặc ruot cừu. Chỉ vẫn còn sức căng sau 21 ngày cấy ghép, và tự tiêu hoàn toàn trong vòng 52 đến 76 ngày. Khi sử dụng trong tổ chức mô đã bị nhiễm trùng hoặc tổ chức mô có nhiều Proteolytic enzyme (như dạ dày, cổ tử cung, âm đạo) thì chỉ sẽ tự tiêu nhanh hơn. Chỉ có màu nâu đen và khả năng gây dị ứng trung bình. ISO 13485:2016 ; EC ; FDA	Hộp 12 sợi	Cái	50	
		Tổng: 33 khoản				

- Quý công ty chịu trách nhiệm hoàn toàn về báo giá cung cấp cho Bệnh viện
- Địa điểm cung cấp hàng hóa: Kho vật tư hóa chất
 - Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng tối đa 03 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng

Trân trọng cảm ơn Quý Công ty đã hợp tác./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu KD, VT.

GIÁM ĐỐC

Cao Xuân Trường

Phụ lục
BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi : Bệnh viện Tâm thần Mỹ Đức

Công ty....(Tên đơn vị báo giá) xin gửi tới Bệnh viện báo giá hàng hóa chi tiết theo bảng tổng hợp sau :

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Hãng , nước Sản xuất	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đã VAT)	Thành tiền	Thông tin trúng thầu 12 tháng gần nhất (Nếu có)		
											Đơn giá trúng thầu	Đơn vị công bố	Số QĐ, ngày QĐ phê duyệt trúng thầu

Tổng cộng :

Các điều khoản khác :

1. Giá của hàng hóa trong báo giá đã bao gồm thuế VAT và các loại thuế khác theo quy định hiện hành. Giá được tính đúng, tính đủ toàn bộ chi phí liên quan đến hàng hóa : chi phí vận chuyển, bốc vác, bảo hành và các loại phí liên quan khác....
2. Cam kết có giấy phép bán hàng của nhà sản xuất hoặc phân phối có đủ điều kiện cấp giấy ủy quyền hoặc các tài liệu khác tương đương
3. Hiệu lực của báo giá :...

